

SÁNG CHẾ VỀ MỸ PHẨM

✧ ANH TRUNG (Tổng hợp)

MỸ PHẨM CÓ MÀU THỂ HIỆN HIỆU QUẢ LÀM SÁNG VÀ MỊN DA



Số bằng sáng chế: 1-0009279; cấp ngày: 16/5/2011 tại Việt Nam; tác giả: Jeffrey Rosevear, Brian John Dobkowski, Prem Chandar, Marc Nocolaas Gerard de Mul, Jack Polonka; chủ bằng: Unilever N.V.; địa chỉ: Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands.

Sáng chế để cập đến mỹ phẩm chứa chất đàn hồi silicon liên kết ngang, kẽm oxit hoặc oxit zircon

có cỡ hạt trung bình nằm trong khoảng từ 10.000 nm đến 30.000 nm, trong hệ chất mang được chấp nhận trong mỹ phẩm. Mỹ phẩm này thể hiện hiệu quả làm sáng và mịn da, có tác dụng cải thiện về ngoài của da, tạo ra độ che phủ tốt trên khắp các khiếm khuyết như các lỗ chân lông và sắc thái da không đều, đồng thời vẫn giữ được vẻ ngoài tự nhiên cho da.□

CHẾ PHẨM NỀN CHỐNG NHĂN MÔI, SON MÔI CHỨA CHẾ PHẨM NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT

Số bằng sáng chế: 1-0008886; cấp ngày: 29/11/2010 tại Việt Nam; tác giả: Shin Hyun-Jong, Lee Cheon-Koo, Choi Khee-Hwan, Sung Kyung-Hye; chủ bằng: LG Household & Health Care Ltd.; địa chỉ: 20 yoido-dong, Youngdungpo-gu, Seoul 150-721, Republic Korea.

Sáng chế để cập đến chế phẩm nền chống nhăn môi có khả năng trộn một cách ổn định với các thành phần khác khi được bổ sung vào son môi chứa chế phẩm này, và phương pháp sản xuất chúng.

Chế phẩm chống nhăn môi được sản xuất bằng cách trộn asiaticosit, là thành phần hoạt tính chống nhăn môi, với chế phẩm nền chứa galactosylxeromit, cholesterol, rượu polyhydric và dầu lỏng.

Son môi chứa chế phẩm nền chống nhăn môi theo sáng chế có tác dụng chống nhăn rất tốt. Ưu điểm của chế phẩm này là an toàn, gắn



như không có sự kích ứng mô da nhạy cảm của môi vì asiaticosit là thành phần hoạt tính để chống nhăn được duy trì một cách ổn định trong son môi.□

HỆ PHÂN PHỐI CHẤT CÓ ÍCH, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ VÀ MỸ PHẨM HOẶC CHẾ PHẨM LÀM SẠCH CHỨA HỆ NÀY

Số bằng sáng chế: 1-0008785; cấp ngày: 07/10/2010 tại Việt Nam; tác giả: Rajesh Janardan Baviskar, Mridula Kini, Ram Ramesh Pradhan, Ramesh Surianarayanan; chủ bằng: Unilever N.V.; địa chỉ: Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands.

Sáng chế để xuất hệ phân phối chất có ích để sử dụng trong mỹ phẩm hoặc làm sạch bao gồm phức chất polysaccharit-zein, chất có ích và chất làm dẻo. Hệ phân phối này tăng tính ổn định của chất có ích trong khi tạo ra sự dịch chuyển khơi mào sự giải phóng chất có ích khi áp dụng chế phẩm đến bề mặt như da người. Sáng chế cũng đề xuất quy trình điều chế hệ phân phối có ích này.□

CHẾ PHẨM CHĂM SÓC TÓC

Số bằng sáng chế: 1-0008616; cấp ngày: 20/7/2010 tại Việt Nam; tác giả: Anand Ramchandra Mahadeshwar; chủ bằng: Unilever N.V.; địa chỉ: Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands.

Sáng chế để cập đến chế phẩm dưỡng tóc và làm sạch tóc hệ nước chứa sáp ong và polymer silicon để đem lại tính năng duỗi thẳng tóc và gia tăng khả năng xử lý tóc. Chế phẩm này có tính ổn định đối với sự tách pha của các thành phần gia tăng.□



CHẾ PHẨM DƯỠNG TÓC VÀ PHƯƠNG PHÁP DƯỠNG TÓC SỬ DỤNG CHẾ PHẨM NÀY

Số bằng sáng chế: 1-0007297; cấp ngày: 06/10/2008 tại Việt Nam; tác giả: Colin Christopher David Giles; chủ bằng: Unilever N.V.; địa chỉ: Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands.

Sáng chế đề cập đến các chế phẩm dưỡng tóc hệ nước chứa chất hoạt động bề mặt dạng cation, rượu béo, đất sét được làm biến tính kỵ nước, chất làm biến đổi sợi tóc

và copolymer khối polyoxyetylen/polyoxypropylen, chế phẩm này mang lại độ mượt và độ trơn được cải thiện cho tóc đã được làm khô.□

DANH MỤC CÁC SÁNG CHẾ KHÁC VỀ MỸ PHẨM ĐƯỢC ĐĂNG KÝ Ở VIỆT NAM

TÊN SÁNG CHẾ	TÊN SÁNG CHẾ
Axit béo đa bất bão hòa và este diol là tác nhân trị chứng viêm nang bã, dược phẩm và mỹ phẩm chứa chúng và phương pháp điều chế.	Mỹ phẩm dạng kem strearat của axit béo cao có độ pH thấp.
Băng mỹ phẩm đắp mũi.	Mỹ phẩm dạng nhũ tương.
Bao bì có hoạt tính diệt vi sinh vật để đóng gói mỹ phẩm và thực phẩm.	Mỹ phẩm dầu trong nước và phương pháp sản xuất mỹ phẩm này.
Các hạt composit chống nắng và mỹ phẩm chứa chúng.	Mỹ phẩm để bảo vệ da chống lại ánh sáng tử ngoại và làm giảm nếp nhăn chứa phần chiết của hoa Magnolia sieboldii.
Chất làm trắng da và phương pháp thẩm mỹ làm trắng da.	Mỹ phẩm dùng cho môi.
Copolymer khối của polysiloxan trong các chế phẩm chăm sóc cá nhân và mỹ phẩm dùng khu trú.	Mỹ phẩm dùng để tắm, gội chứa copolyme lưỡng tính và việc sử dụng copolyme này.
Đồ chứa mỹ phẩm dạng thỏi và phương pháp sản xuất.	Mỹ phẩm hai thành phần để nhuộm hoặc làm mất màu tóc.
Hạt mịn hỗn hợp chắn ánh sáng tử ngoại, phương pháp điều chế và mỹ phẩm chứa hạt mịn hỗn hợp này.	Mỹ phẩm hoặc chế phẩm dưỡng da và phương pháp bào chế.
Hệ phân phối dược phẩm và/hoặc mỹ phẩm dùng khu trú.	Mỹ phẩm không phai màu.
Hệ thống và phương pháp tiếp thị các mỹ phẩm.	Mỹ phẩm làm sáng da được cải tiến.
Hợp chất BIHENYL được thể với một gốc thơm hoặc dị vòng thơm, dược phẩm và mỹ phẩm chứa chúng.	Mỹ phẩm làm trắng da chứa hợp chất của glucoza và sucroza thể axyl.
Hợp chất chắn sáng bền màu dùng cho mỹ phẩm hoặc dược phẩm.	Mỹ phẩm làm trắng da chứa phần chiết của Magnolia sieboldii làm thành phần hoạt tính.
Hợp chất chắn sáng dùng cho mỹ phẩm.	Mỹ phẩm nhũ tương nước trong dầu chứa các hạt composit chống nắng.
Hợp chất hai vòng thơm được nối qua gốc heteroetylen dược phẩm và mỹ phẩm chứa chúng.	Mỹ phẩm và phương pháp làm sáng da.
Hợp chất hai vòng thơm, dược phẩm và mỹ phẩm chứa chúng.	Mỹ phẩm, chế phẩm bổ trợ sức khỏe chứa tế bào gốc và quy trình điều chế các chế phẩm này.
Hợp chất manoprotein, mỹ phẩm và chế phẩm chứa hợp chất này dùng để chăm sóc da.	Nắp hộp mỹ phẩm và hộp mỹ phẩm có nắp này.
Hợp phần kháng khuẩn, mỹ phẩm có chứa hợp phần đó và tác nhân ngăn tia cực tím.	Phương pháp sử dụng mỹ phẩm để điều trị và ngăn ngừa các nếp nhăn trên da.
Mỹ phẩm chống nắng dạng bột.	Quy trình sản xuất và dụng các sản phẩm dạng lỏng, cụ thể là mỹ phẩm, dược phẩm và các sản phẩm y tế hoặc các sản phẩm tương tự, và hệ thống liên quan.
Mỹ phẩm chống nắng.	Sử dụng Oligosacarit làm tác nhân điều biến miễn dịch trong mỹ phẩm dùng cho da.
Mỹ phẩm chứa axit béo có độ pH thấp.	Thành phần mỹ phẩm dùng cho tóc.
Mỹ phẩm chứa niacinamit có các đặc tính cảm nhận của da được cải thiện.	Thành phần và phương pháp cải thiện đặc tính của các loại mỹ phẩm lâu phai.
Mỹ phẩm dạng bột rắn và phương pháp sản xuất mỹ phẩm này.	